

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-PT

Ngày: 27-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo:

1. **Võ Bá A** (Tên gọi khác: A), sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Con ông Võ Văn C1 và bà Nguyễn Thị N; có vợ tên Trương Thị N1; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2019 cho đến nay, có mặt.

2. **Nguyễn Thị N** (Tên gọi khác: U), sinh năm: 1973. Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: không xác định và bà Nguyễn Thị T1 (đã chết); có chồng tên Võ Văn C1; có 03 người con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019 trả tự do, có mặt.

3. **Nguyễn Văn G** (Tên gọi khác: C), sinh ngày 03/8/2001. Nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Con ông

Nguyễn Tấn T2 và bà Phạm Thị T3; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019 trả tự do, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G: Ông Lê Văn Lắm là Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Văn Lắm, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An, có mặt.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo Nguyễn Minh T4, Đặng Thanh T5 không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo, không triệu tập đến phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Đỗ Hoài S, sinh năm: 1999; Võ Văn T6, sinh năm: 1979; Lê Hoàng T7, sinh năm: 1994; Huỳnh Kim T8, sinh năm: 1991; Nguyễn Thành L, sinh năm: 1999; Nguyễn Hoàng T9, sinh năm: 1988; Nguyễn Đức T10, sinh năm: 1988; Lê Hoàng K, sinh năm: 1986; Hồ Thị Bích T11, sinh năm: 1988; Anh Nguyễn Hoài P1, sinh năm: 1994; Ung Văn H, sinh năm: 2002; Trần Phạm Yên N2, sinh năm: 1999; Ngô Minh T12, sinh năm: 1996; Anh Phạm Văn C3, sinh năm: 1977; Nguyễn Minh T13, sinh năm: 1999; Nguyễn Hữu P2, sinh năm: 1996; Phạm Ngọc M, sinh năm: 1998; Nguyễn Viết K1, sinh năm: 1990; Nguyễn Thế K2, sinh năm: 2001; Nguyễn Duy K3, sinh năm: 2000; Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1995; Nguyễn Hoàng L1, sinh năm: 1990; Huỳnh Thanh L2, sinh năm: 1974; Đặng Phan V, sinh năm: 1993; Nguyễn Văn S1, sinh năm: 1999.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 20/12/2019, Nguyễn Minh T4 đến chòi lá số 2 của quán A2 để uống nước giải khát. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T4 mượn tiền của Đỗ Hoài S 300.000 đồng và của Nguyễn Hoài P1 100.000 đồng, S và P1 không biết T4 mượn tiền đi mua ma túy, được tổng cộng là 1.000.000 đồng, rồi T4 điện thoại cho Võ Huỳnh Trọng K4 hỏi mua ma túy với số tiền 1.500.000 đồng, K4 đồng ý bán và hẹn T4 đến khu vực chùa S2 thuộc khu 2, thị trấn C, huyện C. T4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 62V2 – 5160 (xe mượn của P1) chạy đến chùa S2 gặp K4 đưa 1.000.000 đồng, thiếu lại 500.000 đồng và K4 đưa 01 gói nylon chứa ma túy. T4 chạy về vào chòi lá số 2 quán A2, lấy ma túy ra phân chia thành 06 gói ma túy gồm: 05 gói nhỏ và 01 gói lớn. Lúc này, trong chòi có 06 người gồm: Nguyễn Minh T4, Đỗ Hoài S, Nguyễn Hoài P1, Nguyễn Minh T14, Lê Hoàng T7 và Võ Văn T6. T4 lấy một phần ma túy trong gói nylon lớn ra, để cho tất cả 06 người vừa nêu cùng sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng xong, số ma túy còn lại T4 cất giấu trong vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, rồi bỏ vào túi áo phía trước bên trái với mục đích để bán lại cho các con nghiện. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T4 lấy vỏ bao thuốc Jet chứa ma túy trong túi áo ra để trên bàn nhựa để tiếp tục sử dụng thì Công An huyện C tiến hành bắt quả tang các đối tượng gồm: Nguyễn Minh T4, Đỗ Hoài S, Nguyễn Hoài P1, Nguyễn Minh T14, Lê Hoàng T7 và Võ Văn T6 đang sử dụng trái phép chất ma túy tại chòi lá số 2. Thu giữ những tang vật gồm: 1 (một) gói thuốc Jet

bên trong có chứa 06 gói nylon chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy đá thu giữ của Nguyễn Minh T4; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) điện thoại di động Iphone 5 màu trắng; 02 (hai) kéo bằng kim loại; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 51T6 – 5532.

Tiến hành khám xét nhà ở của Nguyễn Minh T4 ở ấp N3, xã T, huyện C thu giữ: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 02 (hai) kéo bằng kim loại; 01 (một) cân điện tử màu trắng; 01 (một) bình gas mini màu đen; 01 (một) bịch nylon lớn bên trong có chứa các hạt màu trắng được cột lại nghi là đường phen; 27 (hai mươi bảy) quẹt gas nhiều loại; 01 (một) nỏ thủy tinh bị gãy làm đôi; 01 (một) ống hút một đầu được hàn kín, một đầu được vạt nhọn và 05 (năm) nỏ thủy tinh; 01 (một) quần Jean màu xanh; 01 (một) áo sơ mi sọc ca rô màu đỏ; 01 (một) hộp kim loại, màu đỏ có in chữ “ATE”, bên trong chứa 82 (tám mươi hai) gói nylon rỗng gồm: 30 gói có rãnh khếp màu đỏ, 50 gói có rãnh kếp màu xanh, 01 gói lớn có rãnh kếp màu đỏ và 01 gói lớn màu trắng.

Tiến hành khám xét nhà và quán A2 của hộ ông Võ Văn C1 ngụ Ấp B, xã T, huyện C thu giữ: Trên ổ điện gắn ở vách tường bên trong nhà, ngay cửa chính vào có 01 (một) gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn, màu trắng, nghi là chất ma túy; Trên ổ điện gắn ở vách tường bên trái hướng từ sau lên trước, khu vực giữa nhà có 01 (một) gói nylon chứa tinh thể rắn, màu trắng, nghi là chất ma túy; Trên ổ điện gắn ở vách tường bên trong nhà ngay cửa chính nhà sau có 01 (một) gói nylon chứa tinh thể rắn, màu trắng, nghi là chất ma túy; Trong túi áo đầm phía trước, bên phải của Nguyễn Thị N cất giấu 02 (hai) gói nylon, bên trong chứa tinh thể rắn, màu trắng, nghi là chất ma túy; Trên nắp táp lô điện trong phòng ngủ của Nguyễn Thị N có 02 (hai) gói nylon, bên trong chứa tinh thể rắn, màu trắng, nghi là chất ma túy.

Việc thu giữ 07 (bảy) gói nylon được Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong và gửi giám định đúng theo quy định. Võ Bá A thừa nhận 07 (bảy) gói nylon chứa tinh thể rắn, màu trắng được thu giữ trong nhà và trên người của Nguyễn Thị N là ma túy đá của A mua, cất giấu nhằm mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện.

- Ngoài ra, còn thu giữ của Võ Bá A gồm: 01 (một) điện thoại di động Nokia 230, không có thẻ sim và 01 (một) điện thoại di động Nokia A10, sim số 0779619312; Tiền Việt Nam 1.570.000 đồng; 01 (một) ống thủy tinh dài 13cm; 10 (mười) ống thủy tinh dài 13cm, có đặc điểm giống nhau; 03 (ba) túi nylon kích thước 1cm x 1cm; 01 (một) ống nhựa cắt một đầu nhọn, dài 6,5cm; 03 (ba) điện thoại các loại; Thu giữ trên người của Võ Bá A tiền Việt Nam 671.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động Mobel M228; 14 (mười bốn) nỏ thủy tinh; 03 (ba) gói nylon bên trong không chứa gì; 01 (một) ống nhựa một đầu được vạt nhọn.

- Thu giữ của Nguyễn Thị N gồm: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) gói nylon màu trắng bên trong không chứa gì; 01 (một) túi xách màu nâu bên trong có chứa 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 0497535 tên Trần Thị L3; 01 (một) gói nylon màu đen bên trong có chứa 05 quẹt gas; 01 (một)

điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, loại bàn phím; 01 (một) bóp da màu đỏ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, loại cảm ứng; Tiền Việt Nam 3.129.000 đồng; 01 (một) đầm màu xanh.

Quá trình điều tra xác định được:

* Nguyễn Minh T4 bắt đầu nghiện ma túy từ năm 2016 và mua ma túy đã về bán từ tháng 07/2018 cho đến ngày bị bắt. Thời gian ban đầu, T4 mua ma túy của một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2019, T4 mua ma túy của Võ Bá A hoặc Võ Huỳnh Trọng K4 đem về phân chia ma túy ra thành từng tép nhỏ với giá 200.000 đồng, rồi bán lại cho các đối tượng nghiện, mục đích bán ma túy là để lấy vốn, có tiền mua ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, không có thu lợi. Trong thời gian từ tháng 7 đến ngày 19/12/2019, T4 trực tiếp bán ma túy 29 lần, cho 09 đối tượng nghiện ma túy tại quán A2 hoặc tại nhà của T4 ngụ ấp N3, xã T, huyện C, cụ thể như sau:

1. Đỗ Hoài S (Đ): tháng 7 và tháng 12/2019 mua 02 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng.

2. Võ Văn T6 (A5): các ngày 14, 16, 18/12/2019 mua 03 lần, với giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

3. Lê Hoàng T7 (A1): các ngày 18, 19/12/2019 mua 02 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng.

4. Huỳnh Kim T8 (B1): tháng 09/2019 mua 01 lần với giá 200.000 đồng.

5. Nguyễn Thành L (P3): thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2019 mua 05 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng.

6. Nguyễn Hoàng T9 (Q1): ngày 10/12/2019 mua 01 lần với giá 200.000 đồng.

7. Nguyễn Đức T10 (T4 B1): tháng 7/2019 mua 01 lần với giá 200.000 đồng tại quán Đ2 thuộc khu 1A, thị trấn C .

8. Hồ Thị Bích T11: Trong tháng 12/2019 và ngày 09/12/2019 mua 03 lần, mỗi lần với giá 300.000 đồng.

9. Nguyễn Hoài P1 (B2): Từ tháng 7 đến ngày 19/12/2019, mua 11 lần, với giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

* Đối với Võ Bá A: Ngày 20/12/2019, Võ Bá A điện thoại cho người phụ nữ tên A ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc) mua 600.000 đồng ma túy. Người phụ nữ tên A đồng ý và đem ma túy giao cho A tại quán A2. Có ma túy, A phân ma túy thành nhiều gói nhỏ tương ứng với số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng để bán lại cho các đối tượng nghiện, rồi đem các gói ma túy cất giấu trong nhà nhằm để bán cho con nghiện. A khai bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 7/2019 đến ngày bị bắt, trung bình mỗi ngày A đến Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mua của một người phụ nữ tên A (không rõ tên, địa chỉ) mua mỗi lần 600.000 đồng ma túy, rồi đem về nhà phân ra thành 04 đến 05 gói ma túy, bán với giá từ 100.000 đồng đến

200.000 đồng cho các đối tượng nghiện tại quán A2. A khai nhận mỗi ngày bán ma túy và thu lợi được 200.000 đồng, tổng số tiền thu lợi cho đến khi bị bắt là 15.000.000 đồng.

- Quá trình mua bán ma túy có Nguyễn Thị N (mẹ ruột của A) và A có thuê Đặng Thanh T5 và Nguyễn Văn G phụ giúp việc đi giao ma túy khi các đối tượng nghiện ma túy có nhu cầu. N bắt đầu phụ giúp A bán ma túy từ tháng 08/2019 cho đến khi bị bắt, mỗi khi A không có mặt tại quán A2 thì các đối tượng nghiện ma túy điện thoại hỏi mua túy, A đồng ý bán và kêu đến quán A2 gặp N. A điện thoại cho N chỉ nơi cất giấu ma túy và kêu N giao ma túy cho các đối tượng nghiện, rồi nhận tiền hoặc kêu G hay T5 đi giao ma túy cho A.

- T5 quen biết với A và N từ năm 2018 và bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 8/2018. Đến khoảng tháng 10/2019, A kêu T5 phụ đi giao ma túy cho A, A trả tiền công bằng ma túy, nếu ngày nào T5 bán được ma túy thì A sẽ trả công bằng 01 tép ma túy đá, tương đương với số tiền 100.000 đồng, T5 đồng ý. Khi có người mua ma túy, A và N sẽ đưa ma túy cho T5 đi giao, rồi lấy tiền đem về đưa cho A hoặc N. Đến ngày 16/12/2019, T5 bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Long An.

- G quen biết với A và N thông qua T5 giới thiệu. Từ tháng 09/2019, A kêu G phụ bán ma túy và A trả tiền công cho G số tiền 100.000 đồng, nếu ngày nào không bán được ma túy thì A không trả tiền, G đồng ý.

Trong thời gian từ tháng 7/2019 đến ngày bị bắt, A cùng với Nguyễn Thị N, Đặng Thanh T5 và Nguyễn Văn G trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy tại quán A2 và các địa điểm khác trên địa bàn huyện C. Tổng cộng Võ Bá A đã bán ma túy 91 lần cho 19 đối tượng nghiện ma túy.

- Trong đó, Nguyễn Thị N giúp sức cho A giao ma túy 14 lần và 01 lần trực tiếp bán cho 07 đối tượng nghiện.

- Đặng Thanh T5 giúp sức cho A đi giao ma túy 06 lần, cho 04 đối tượng nghiện.

- Nguyễn Văn G giúp sức cho A giao ma túy 21 lần, cho 11 đối tượng nghiện, cụ thể như sau:

1. Ung Văn H (Q2): Tháng 10/2019 mua 05 lần do A bán trực tiếp, 04 lần với giá 100.000 đồng, 01 lần với giá 200.000 đồng. Trong tháng 10/2019, mua 02 lần với giá 200.000 đồng do N trực tiếp bán.

2. Lê Hoàng K (C5): Từ tháng 9 - tháng 11/2019 mua 10 lần, với giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, do A trực tiếp bán.

3. Trần Phạm Yến N2 (N4): Tháng 7/2019 và ngày 17/12/2019 mua 02 lần với giá 200.000 đồng, trực tiếp A bán một lần, A kêu G đi giao cho N2 tại quán Z thuộc Khu 1A, thị trấn C.

4. Ngô Minh T12 (U1): Tháng 10/2019 mua 02 lần với giá 200.000 đồng, trong đó 01 lần do A trực tiếp giao, 01 lần do A kêu G đi cho T12 tại ngã ba xã T.

5. Phạm Văn C3 (G2): Tháng 11,12/2019 mua 03 lần với giá 300.000 đồng, A trực tiếp giao 02 lần, 01 lần A kêu G đi giao cho Công tại xã P4.

6. Nguyễn Minh T13 (D): Tháng 10, 11/2019 mua 10 lần với giá 200.000 đồng, trong đó A trực tiếp giao 08 lần, A kêu G đi giao cho T13 02 lần, đều tại nhà T13 ở xã A3.

7. Nguyễn Hoàng T9 (Q1): Tháng 12/2019 mua 02 lần với giá 200.000 đồng, A trực tiếp giao.

8. Nguyễn Hữu P2 (B1): mua 11 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng. Trong đó tháng 11/2019 A trực tiếp giao 10 lần tại khu vực quán Z1 thuộc Khu 1B, thị trấn C, Công viên huyện C, Trường tiểu học C4. Ngày 17/12/2019, A kêu G đi giao cho P2 tại nhà ở xã C4.

9. Phạm Ngọc M (B3): mua 12 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng. Tháng 12/2019 A trực tiếp giao 07 lần, trong đó có 01 lần vào ngày 19/12/2019, A kêu G đi giao 05 lần, lần cuối G giao ngày 14/12/2019. Tất cả ở khu vực nhà nghỉ Z2 thuộc xã P .

10. Nguyễn Viết K1 (B4): Trong tháng 12 và ngày 17/12/2019 mua 02 lần với giá 200.000 đồng, A kêu G đi giao tại nhà của K1 ở Ấp 4, xã P4.

11. Nguyễn Thế K2: Tháng 9/2019 và ngày 18/12/2019 mua 02 lần với giá 200.000 đồng do A trực tiếp bán.

12. Nguyễn Duy K3 (B5): Tháng 12/2019 mua 01 lần với giá 200.000 đồng, do A trực tiếp bán .

13. Huỳnh Kim T8 (B1): Tháng 12 và ngày 16/12/2019 mua 02 lần với giá 200.000 đồng, do A trực tiếp bán.

14. Nguyễn Văn Q (T15): Tháng 11 và tháng 12/2019 mua 10 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng, trong đó A trực tiếp giao 06 lần, A kêu T5 giao 02 lần, kêu G giao 02 lần tại nhà Q ở ấp Đ1, xã C4 và tại Công viên C .

15. Lê Hoàng T7 (A1): Tháng 11/2019 mua 05 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng, trong đó 01 lần do A trực tiếp giao, A kêu G giao 02 lần, còn 03 lần còn lại N trực tiếp giao.

16. Nguyễn Minh T4 (A4): mua 08 lần, cụ thể:

- Tháng 11/2019, T4 điện thoại cho A mua 200.000 đồng ma túy, A đồng ý và A điện thoại cho N lấy ma túy và N kêu T5 đi giao cho T4 tại nhà T4 ở ấp N3, xã T.

- Tháng 12/2019, T4 điện thoại cho A mua 500.000 đồng ma túy, A kêu T5 giao tại chòi số 2 quán A2

- Tháng 12/2019, T4 điện thoại cho A mua 03 lần ma túy, trong đó 02 lần 300.000 đồng và 01 lần 1.000.000 đồng, do A trực tiếp giao tại quán A2;

- Tháng 12/2019, T4 điện thoại cho A hỏi mua ma túy với giá 1.000.000 đồng, N nghe máy và N đem ma túy giao cho T4 tại quán A2;

- Tháng 12/2019 và ngày 17/12/2019, T4 điện thoại cho A hỏi mua ma túy 02 lần, trong đó 01 lần với giá 500.000 đồng và một lần với giá 1.000.000 đồng, A kêu G giao cho T4 tại quán A2

17. Nguyễn Hoàng L1 (M1): Tháng 10 và tháng 11/2019 mua 02 lần, với giá 200.000 đồng, L điện thoại cho N hỏi mua ma túy, N điện thoại cho A hỏi nơi cất giấu ma túy, rồi N kêu T5 đi giao cho L ở trước quán A2 và tại quán Z3 thuộc xã P, lấy tiền về đưa cho N

18. Huỳnh Thanh L2: Từ tháng 8 đến tháng 9/2019 mua 03 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng, do N trực tiếp giao tại quán A2 .

19. Đặng Phước V: Tháng 12/2019 mua 01 lần với giá 200.000 đồng, V điện thoại A nói mua ma túy, A điện thoại cho N, kêu N đưa ma túy cho G, G đi giao ma túy cho V tại cổng M2 thuộc xã T .

20. Nguyễn Văn S1: mua 03 lần, trong đó tháng 11/2019 mua 02 lần, mỗi lần với giá 200.000 đồng, N trực tiếp bán 02 lần và khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/12/2019, S điện thoại cho N mua 200.000 đồng ma túy, N đồng ý bán và điện thoại cho A hỏi nơi cất giấu ma túy, rồi N lấy ma túy và điện thoại kêu G đi giao tại nhà của S1 ở xã T, lấy tiền về đưa cho N.

Tại Kết luận giám định số 526/C09B ngày 25/12/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học Hình Sự kết luận:

- Mẫu ký hiệu 02/NP-CSĐT: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1880 gam, loại: Methamphetamine.

- Mẫu ký hiệu 03/NP-CSĐT: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2952 gam, loại: Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 527/C09B ngày 25/12/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố. Hồ Chí Minh - Viện khoa học Hình Sự kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 06 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng: 1,9457 gam, loại Methamphetamine

Tại Kết luận giám định số 528/C09B ngày 25/12/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố. Hồ Chí Minh - Viện khoa học Hình Sự kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 03 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng: 0,3906 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự;

Áp dụng Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 329; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh T4, Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G và Đặng Thanh T5 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T4 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2019.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Bá A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Minh T4 và bị cáo Võ Bá A 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 17; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019.

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T5 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Minh T4, Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G và Đặng Thanh T5 theo khoản 5 Điều 251 của Bộ Luật Hình sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020, bị cáo Võ Bá A có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Bị cáo trình bày án sơ thẩm xét xử bị cáo 8 năm 6 tháng tù là quá nặng so với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Bị cáo bị bệnh nặng về tim mạch, đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22 tháng 9 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Bị cáo trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh thoát vị đĩa đệm nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 bị cáo Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Bị cáo trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, bản thân đi làm thuê để phụ giúp gia đình, là lao động chính trong gia đình, nên đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú các hành vi phạm tội trước đó; bị cáo A tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính; bị cáo A và bị cáo T4 có con còn nhỏ; gia đình bị cáo N, bị cáo A có công với cách mạng (các bị cáo là cháu, chắt của liệt sỹ và Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng); các bị cáo A, G, N có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo A 8 năm 6 tháng tù và bị cáo N 4 năm 6 tháng tù và bị cáo G 03 năm 6 tháng tù, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo gây ra. Bị cáo A kháng cáo có trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn nuôi con còn nhỏ, bị cáo N trình bày là bản thân bị bệnh, nhưng các tình tiết này cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo. Bị cáo G có cung cấp tình tiết mới là bà nội là vợ của Liệt sỹ, vợ đang mang song thai, nhưng các tình tiết này chưa rõ ràng nên không áp dụng là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có

kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết như: Bị cáo G đã tự thú đối với hành vi phạm tội trước đó. Đối với bị cáo mới bước qua tuổi trưởng thành, nên chưa nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội của mình, có nhân thân tốt nên cần có sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ đang mang song thai, có bà nội là vợ của Liệt sĩ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt và xét xử bị cáo 02 năm tù để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Nguyễn Minh T4 là đối tượng nghiện ma túy, đã 02 lần trở lên bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện C. Trong thời gian từ tháng 7 đến ngày 19/12/2019, tại quán A2 hoặc tại nhà của T4 ngụ ấp N3, xã T, huyện C, T4 trực tiếp bán ma túy 29 lần, cho 09 đối tượng nghiện ma túy gồm: Đỗ Hoài S, Võ Văn T6, Lê Hoàng T7, Huỳnh Kim T8, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hoàng T9, Nguyễn Đức T10, Hồ Thị Bích T11, Nguyễn Hoài P1 để thu vốn chứ không có thu lợi bất chính. Ngày 20/12/2019, T4 mua một gói ma túy đá với giá 1.500.000 đồng của Võ Huỳnh Trọng K4, đem đến quán A2 sử dụng, số còn lại cất giấu trong gói thuốc hiệu Jet, nhằm mục đích bán cho các đối tượng nghiện nhưng chưa kịp bán thì bị Công an huyện C tiến hành khám xét và bắt quả tang, thu giữ 06 (sáu) gói là ma túy, có khối lượng: 1,9457 gam, loại Methamphetamine. Võ Bá A đã 02 lần trở lên bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện C, giúp sức cho A bán ma túy có Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G và Đặng Thanh T5. Trong thời gian từ tháng 7/2019 đến ngày bị bắt, A cùng với N, T5 và G trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy tại quán A2 và các địa điểm khác trên địa bàn huyện C. Tổng cộng Võ Bá A đã bán ma túy 91 lần cho 19 đối tượng nghiện ma túy, thu lợi bất chính tổng cộng là 15.000.000 đồng, gồm: Ung Văn H, Lê Hoàng K, Trần Phạm Yên N2, Ngô Minh T12, Phạm Văn C3, Nguyễn Minh T13, Nguyễn Hoàng T9, Nguyễn Hữu P2, Phạm Ngọc M, Nguyễn Viết K1, Nguyễn Thê K2,

Nguyễn Duy K3, Huỳnh Kim T8, Nguyễn Văn Q, Lê Hoàng T7, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Hoàng L1, Đặng Phan V, Nguyễn Văn S1. Trong đó, Nguyễn Thị N giúp sức cho A giao ma túy 14 lần cho 06 đối tượng nghiện và 01 lần trực tiếp bán cho Huỳnh Thanh L2. Nguyễn Văn G giúp sức cho A giao ma túy 21 lần, cho 11 đối tượng nghiện. Đặng Thanh T5 giúp sức cho A đi giao ma túy 06 lần, cho 04 đối tượng nghiện. Ngày 20/12/2019 tại quán A2 thuộc ấp B, xã T, huyện C, tiếp tục A cất giấu 03 (ba) gói ma túy, có khối lượng: 0,3906 gam, loại Methamphetamine và N cất giấu 04 (bốn) gói ma túy, có khối lượng: 0,4832 gam, loại Methamphetamine, tổng cộng 0,8738 gam, nhằm mục đích để bán cho các đối tượng nghiện nhưng chưa bán thì bị bắt quả tang. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh T4, Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G và Đặng Thanh T5 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng khác nhau thuộc trường hợp định khung hình phạt “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội dAh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú các hành vi phạm tội trước đó; bị cáo A tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính; bị cáo A và bị cáo T4 có con còn nhỏ; gia đình bị cáo N, bị cáo A có công với cách mạng (các bị cáo là cháu, chắt của liệt sỹ và Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng); các bị cáo A, G, N có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.1] Đối với bị cáo Võ Bá A và Nguyễn Thị N: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo A 8 năm 6 tháng tù và bị cáo N 4 năm 6 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Tại phiên phúc thẩm, các bị cáo trình bày do hoàn cảnh gia đình có khó khăn, bản thân bị bệnh, như bị cáo N bị bệnh thoát vị đĩa đệm, nhưng tình tiết này cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nên yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được chấp nhận. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo A và bị cáo N như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn G: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm 6 tháng tù. Bị cáo kháng cáo có cung thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang làm thuê, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2

Điều 51 bộ luật hình sự, tình tiết này cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo, nên cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo yêu cầu của bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tham gia phiên tòa. Do đó, cần sửa Bản án hình sự số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với bị cáo G là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Bá A và Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Bá A và bị cáo Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Võ Bá A và bị cáo Nguyễn Thị N.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn G. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn G.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Bá A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Bá A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2019.

Căn cứ khoản 3 Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Bá A 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (là ngày 27/01/2021) để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 20/12/2019 đến ngày 23/12/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Võ Bá A và bị cáo Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh LA;
- Sở tư pháp tỉnh LA;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng